

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**

Số: 687/2026/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 565/2026/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2026 về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thu Hà H** - sinh năm 1993; CCCD số: 001193018xxx; HKTT: Tổ 10, phường B, TP. Hà Nội; Nơi ở: Số 81, ngõ 293 phường B, TP. Hà Nội.

- **Bị đơn:** Anh **Trần Đình K** - sinh năm 1989; CCCD số: 030089000xxx; HKTT và nơi ở: Tổ 10, phường B, TP. Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 144, 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/6/2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/6/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thu Hà H và anh Trần Đình K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trần Đình L - sinh ngày 23/7/2015 và Trần Linh Đ - sinh ngày 19/10/2024. Khi ly hôn, chị H trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh K cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm triệu*) đồng/tháng đối với mỗi con kể từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Trần Đình K được quyền gặp gỡ, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (tài sản và bất động sản): Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H, anh K mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh K phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H chịu toàn bộ án phí. Chị H đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0012824 ngày 28/05/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, nay chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND phường B, Hà Nội (GCNKH số 72 ngày 01/04/2014 của UBND phường N, quận L, Hà Nội cũ);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lý Thị Tường Nga

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

Số:...../...../QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm.....,
giữa⁽²⁾:

.....
.....
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày.....tháng.....năm

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày.... tháng..... năm là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ⁽³⁾

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁴⁾

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.
- (4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).